

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC KHÓA 2018, 2019 và 2020
NHẬN HỌC BỔNG "HỌC TẬP TỐT - RÈN LUYỆN TỐT" NĂM HỌC 2020 - 2021

(Kèm theo quyết định số: 61/QĐ-DSG-TĐKT ngày 30 tháng 3 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ Sài Gòn)

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
I. Loại Giỏi						
1	DH11901196	Nguyễn Thanh Long	D19_CDT02	8,47	95	
2	DH31800732	Tạ Vũ Khoa	D18_DDT01	8,23	89	
3	DH31904002	Thiều Quang Minh	D19_DDT01	8,20	90	
4	DH31905436	Đặng Đức Thúc	D19_DDT01	8,38	82	
5	DH31904642	Lê Mạnh Tiến	D19_DDT01	9,29	82	
6	DH51800321	Nguyễn Anh Khoa	D18_TH01	8,06	88	
7	DH51804249	Tổng Khánh Nhật An	D18_TH11	8,13	83	
8	DH51804542	Trần Hí Đường	D18_TH13	8,32	80	
9	DH51900558	Nguyễn Trung Tính	D19_TH03	8,11	92	
10	DH51905093	Nguyễn Hoàng Phong	D19_TH08	8,13	98	
11	DH52001727	Lê Lâm Tấn Lộc	D20_TH02	8,13	80	
12	DH52004547	Trần Công Toại	D20_TH07	8,31	83	
13	DH52004932	Nguyễn Phước Lộc	D20_TH08	8,32	82	
14	DH52006075	Nguyễn Văn Sinh	D20_TH08	8,26	86	
15	DH52005906	Nguyễn Đăng Khoa	D20_TH10	8,11	85	
16	DH52006088	Nguyễn Lê Minh Tài	D20_TH10	8,60	84	
17	DH52006168	Hồ Việt Thắng	D20_TH10	8,26	82	
18	DH52007310	Lê Đình Bảo Trân	D20_TH10	8,56	89	
19	DH52006863	Vũ Minh Đức	D20_TH11	8,22	87	
20	DH52007011	Thạch Ngọc Gia Huy	D20_TH11	8,44	84	
21	DH61905298	Lê Minh Sang	D19_TP02	8,42	86	
22	DH71804028	Nguyễn Thị Thùy Loan	D18_KD02	8,46	98	
23	DH71803424	Nguyễn Đức Thắng	D18_MAR02	8,58	83	
24	DH71801436	Nguyễn Thị Xuân Mai	D18_MAR03	8,02	87	
25	DH71805697	Dương Thị Anh Thư	D18_MAR03	8,24	96	
26	DH71800077	Trần Nguyễn Hồng Gám	D18_TC01	8,27	82	
27	DH71802128	Huỳnh Hữu Hào	D18_TC01	8,09	92	
28	DH71800047	Vương Thúy Mẫn	D18_TC01	8,08	92	
29	DH71801076	Lê Kim Thuận	D18_TC01	8,53	82	
30	DH71804217	Lê Thị Hồng Đào	D18_TC02	8,54	94	
31	DH71802887	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	D18_TC02	8,02	85	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
32	DH71803041	Nguyễn Lê Thế	Hiền	D18_TC02	8,61	88	
33	DH71801235	La Thị Thanh	Kiều	D18_TC02	8,22	88	
34	DH71806405	Thượng Thị Thiên	Lý	D18_TC02	8,11	96	
35	DH71801683	Trương Thị Trúc	Phương	D18_TC02	8,12	95	
36	DH71801172	Quách Thị	Thủy	D18_TC02	8,88	95	
37	DH71801573	Võ Thị Thanh	Tính	D18_TC02	8,17	94	
38	DH71804154	Huỳnh Thị Thùy	Trang	D18_TC02	8,73	90	
39	DH71800018	Bùi Thị Thanh	Vân	D18_TC02	8,29	94	
40	DH71804299	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	D18_TC03	8,14	82	
41	DH71806449	Nguyễn Huyền	My	D18_TC03	8,58	90	
42	DH71805110	Trần Thị Kim	My	D18_TC03	8,40	80	
43	DH71805637	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	D18_TC03	8,28	85	
44	DH71805860	Nguyễn Hoàng Phương	Trình	D18_TC03	8,19	81	
45	DH71805932	Ngô Thị Cẩm	Tú	D18_TC03	8,07	80	
46	DH71806012	Nguyễn Khánh	Vân	D18_TC03	8,47	87	
47	DH71904979	Nguyễn Chí	Nghĩa	D19_QT01	8,12	88	
48	DH71900012	Lê Thị Tường	Vy	D19_QT01	8,22	88	
49	DH71904161	Nguyễn Đặng Yến	Nhi	D19_QT02	8,32	83	
50	DH71904298	Trần Kim	Phượng	D19_QT02	8,20	84	
51	DH71901915	Nguyễn Phạm Thị Cẩm	Tú	D19_QT02	8,00	82	
52	DH71904162	Nguyễn Hồng Yến	Nhi	D19_QT03	8,04	86	
53	DH71904396	Nguyễn Anh Minh	Tài	D19_QT03	8,08	86	
54	DH71904759	Nguyễn Thanh	Trúc	D19_QT03	8,27	86	
55	DH71905022	Nguyễn Thị Thùy	Linh	D19_QT05	8,22	96	
56	DH71904647	Nguyễn Phùng Minh	Tiến	D19_QT05	8,19	88	
57	DH71902007	Hồ Trương Bảo	Thùy	D19_QT06	8,89	92	
58	DH71905506	Lê Ngọc Thanh	Thủy	D19_QT08	8,11	85	
59	DH71900855	Lê Thị Thanh	Trâm	D19_QT09	8,61	96	
60	DH71902939	Nguyễn Minh	Trí	D19_QT10	8,25	88	
61	DH72005062	Phạm Thị Kim	Ngân	D20_QT10	8,14	88	
62	DH72006670	Huỳnh Thị Yến	Nhi	D20_QT11	8,50	81	
63	DH72006991	Hoàng Phước Dân	An	D20_QT12	8,41	81	
64	DH72007108	Nguyễn Huỳnh Thảo	Hương	D20_QT12	8,29	80	
65	DH72006870	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	D20_QT12	8,03	81	
66	DH81805721	Hồ Thị Thu	Thủy	D18_XD02	8,33	88	
67	DH81901601	Nguyễn Ngọc	Duy	D19_XD01	8,03	90	
68	DH91805484	Nguyễn Thị Hồng	Son	D18_TK3DH	8,23	89	
69	DH91903548	Nguyễn Văn	Hậu	D19_TK3DH	8,11	91	
70	DH91901372	Bùi Phan Phụng	Hoàng	D19_TK3DH	8,09	82	
71	DH91904167	Nguyễn Thảo	Nhi	D19_TK3DH	8,31	88	
72	DH91905102	Ng Trần Hoàng Trúc	Vy	D19_TK3DH	8,02	80	
73	DH92002504	Tô Thị Mỹ	Huyền	D20_TK1TD	8,55	85	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
74	DH92005153	Võ Thanh Vân		D20 TK3DH	8,10	82	
II. Loại Khá							
1	DH11804388	Khuong Khánh	Diện	D18_CDT02	7,56	86	
2	DH11804630	Nguyễn Thái	Hiếu	D18_CDT02	7,56	85	
3	DH11805616	Vũ Đức	Thắng	D18_CDT02	7,41	85	
4	DH11803644	Lê Minh	Trương	D18_CDT02	7,33	86	
5	DH11804342	Trần Toàn	Bảo	D18_CDT03	7,91	84	
6	DH11804570	Trần Tú	Hào	D18_CDT03	7,46	84	
7	DH11804692	Dương Gia	Hoàng	D18_CDT03	7,10	86	
8	DH11804983	Nguyễn Khánh	Linh	D18_CDT03	7,16	79	
9	DH11805306	Châu Mạnh	Phát	D18_CDT03	7,39	73	
10	DH11805565	Tô Đức	Thành	D18_CDT03	7,05	76	
11	DH11805749	Nguyễn Hoàng	Tiền	D18_CDT03	7,00	73	
12	DH11803898	Trần Quốc	Toàn	D18_CDT03	7,09	80	
13	DH11804824	Dương Gia	Khang	D18_CDT04	7,46	84	
14	DH11805525	Trần Phú	Thọ	D18_CDT04	7,63	89	
15	DH11806002	Trần Huỳnh Thiện	Vỹ	D18_CDT04	7,61	82	
16	DH11901177	Mai Nguyễn Xuân	Hòa	D19_CDT01	7,16	82	
17	DH11903664	Nguyễn Minh	Huy	D19_CDT01	7,40	87	
18	DH11900826	Đặng Phú	Đông	D19_CDT02	7,34	93	
19	DH11902474	Đỗ Đức	Duy	D19_CDT02	7,06	86	
20	DH11902858	Nguyễn Thành	Sơn	D19_CDT02	7,21	91	
21	DH11902900	Huỳnh Tấn	Tài	D19_CDT02	7,06	87	
22	DH12001918	Lê Tấn	Lộc	D20_CDT01	7,07	79	
23	DH12002713	Lê Nhật	Thanh	D20_CDT01	7,53	80	
24	DH12000082	Trần Trí	Toàn	D20_CDT01	7,71	89	
25	DH12003917	Hồ Khánh	Tường	D20_CDT01	7,09	85	
26	DH12004075	Huỳnh Ngọc	Hải	D20_CDT02	7,76	88	
27	DH12006583	Nguyễn Hữu	Nghĩa	D20_CDT02	7,08	74	
28	DH12006318	Dương Trần Hưng	Phát	D20_CDT02	7,30	82	
29	DH31801681	Đặng Văn	Cường	D18_DDT01	7,43	86	
30	DH31803207	Nguyễn Duy	Đạo	D18_DDT01	7,65	82	
31	DH31803971	Nguyễn Trường	Giang	D18_DDT02	7,03	76	
32	DH31805607	Nguyễn Công	Thắng	D18_DDT02	7,92	85	
33	DH31804915	Nguyễn Tuấn	Kiệt	D18_DDT03	7,36	79	
34	DH31900720	Nguyễn Phước	Đạt	D19_DDT01	7,56	83	
35	DH31902632	Nguyễn Phước	Duy	D19_DDT01	7,94	82	
36	DH31900567	Lê Hoàng	Giang	D19_DDT01	7,17	80	
37	DH31902899	Huỳnh Đỗ Đăng	Khoa	D19_DDT01	7,63	85	
38	DH31900175	Lương Tấn	Phát	D19_DDT01	7,46	83	
39	DH31904476	Nguyễn Tấn	Thành	D19_DDT01	7,09	82	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
40	DH31902420	Lê Thị	Trình	D19_DDT01	7,78	94	
41	DH32006367	Lê Trung	Hiếu	D20_DDT02	7,33	80	
42	DH32006374	Trần Anh Tuấn	Kiệt	D20_DDT02	7,87	78	
43	DH32006402	Trương Lâm Nhật	Tiến	D20_DDT02	7,80	87	
44	DH32007242	Đặng Mạnh	Tường	D20_DDT02	7,14	79	
45	DH41802675	Võ Minh	Anh	D18_VT01	7,13	91	
46	DH41806408	Huỳnh Minh	Đạo	D18_VT01	7,18	82	
47	DH41803892	Phạm Lê Minh	Hùng	D18_VT01	7,05	81	
48	DH41800052	Trần Minh	Khải	D18_VT01	7,44	85	
49	DH41804173	Nguyễn Hưng	Thịnh	D18_VT01	7,31	82	
50	DH41905128	Đoàn	Đức	D19_VT01	7,22	75	
51	DH41900764	Đông Lê	Tuấn	D19_VT01	7,03	71	
52	DH51800367	Phan Châu	Đức	D18_TH01	7,39	91	
53	DH51800827	Dương Trường	Giang	D18_TH01	7,81	89	
54	DH51800692	Nguyễn Dương Anh	Huy	D18_TH01	7,31	83	
55	DH51800049	Đỗ Văn Gia	Huyền	D18_TH01	7,22	85	
56	DH51800877	Nguyễn Quốc	Vương	D18_TH01	7,94	85	
57	DH51802640	Lê Đình	Mẫn	D18_TH02	7,28	78	
58	DH51800835	Đông Đình	Quân	D18_TH02	7,95	86	
59	DH51801707	Nguyễn Quang	Thông	D18_TH02	7,24	88	
60	DH51802099	Trần Nhật	Bản	D18_TH03	7,32	97	
61	DH51801268	Nguyễn Hoàng	Tín	D18_TH03	7,52	87	
62	DH51800242	Nguyễn Trọng	Nhân	D18_TH04	7,40	78	
63	DH51802776	Nguyễn Đức	Long	D18_TH05	7,00	79	
64	DH51801691	Nguyễn Công	Tính	D18_TH05	7,47	90	
65	DH51800726	Lê Quốc	Khánh	D18_TH06	7,33	83	
66	DH51803164	Nguyễn Quang	Huy	D18_TH07	7,70	76	
67	DH51805688	Trần Thị Ngọc	Thùy	D18_TH10	7,49	86	
68	DH51804141	Nguyễn Trọng	Trí	D18_TH10	7,84	84	
69	DH51804835	Nguyễn Tuấn	Khang	D18_TH11	7,42	87	
70	DH51804851	Nguyễn Quốc	Khánh	D18_TH11	7,63	73	
71	DH51805028	Nguyễn Nhị	Long	D18_TH11	7,36	82	
72	DH51805204	Trần Thị	Nguyệt	D18_TH12	7,30	92	
73	DH51805207	Trần Đại	Nhã	D18_TH12	7,17	80	
74	DH51805372	Trần Bảo	Phúc	D18_TH12	7,52	86	
75	DH51805753	Nhâm Trung	Tiến	D18_TH12	7,63	92	
76	DH51800736	Đặng Kiến	Phong	D18_TH13	7,10	79	
77	DH51801182	Trần Quốc	Trọng	D18_TH13	7,65	81	
78	DH51804511	Huỳnh Trung	Đông	D18_TH14	7,28	77	
79	DH51805131	Tân Bình	Nam	D18_TH14	7,18	72	
80	DH51904075	Nguyễn Trọng	Nghĩa	D19_TH01	7,66	84	
81	DH51905519	Hà Trung	Phi	D19_TH01	7,44	81	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
82	DH51904373	Đặng Thái Sơn	D19 TH01	7,02	79	
83	DH51904681	Nguyễn Thanh Trà	D19 TH01	7,16	85	
84	DH51903543	Lê Thị Hậu	D19 TH02	7,12	90	
85	DH51903591	Phan Trọng Hiếu	D19 TH02	7,59	94	
86	DH51903858	Lưu Trung Lâm	D19 TH02	7,00	95	
87	DH51903937	Nguyễn Phúc Lộc	D19 TH02	7,72	96	
88	DH51903919	Nguyễn Thành Long	D19 TH02	7,00	95	
89	DH51903277	Lương Công Chương	D19 TH03	7,29	79	
90	DH51903394	Hoàng Đạo	D19 TH03	7,91	75	
91	DH51900500	Phạm Duy Phúc	D19 TH03	7,86	83	
92	DH51900491	Nguyễn Hoàng Tài	D19 TH03	7,26	78	
93	DH51904407	Phạm Minh Tài	D19 TH03	7,92	91	
94	DH51904553	Phạm Quốc Thịnh	D19 TH03	7,33	79	
95	DH51904561	Nguyễn Bá Thoại	D19 TH03	7,32	77	
96	DH51904881	Hoàng Thế Vĩ	D19 TH03	7,94	75	
97	DH51905574	Trịnh Thế Xuyên	D19 TH03	7,04	82	
98	DH51903397	Đỗ Đức Đạt	D19 TH04	7,75	81	
99	DH51903922	Nguyễn Thành Long	D19 TH04	7,35	92	
100	DH51904155	Lê Bảo Nhi	D19 TH04	7,48	76	
101	DH51904321	Phạm Minh Quân	D19 TH04	7,76	89	
102	DH51904104	Nguyễn Hiền Nguyên	D19 TH05	7,42	85	
103	DH51904363	Trần Đoàn Thanh Sang	D19 TH05	7,16	84	
104	DH51902909	Trần Quang Trường	D19 TH06	7,78	74	
105	DH51902681	Đoàn Đức Hoàng	D19 TH08	7,30	87	
106	DH51905184	Bùi Trung Tình	D19 TH08	7,25	91	
107	DH51904466	Trần Văn Thanh	D19 TH09	7,08	81	
108	DH52000029	Nguyễn Văn Bảo	D20 TH01	8,86	77	
109	DH52000482	Ngô Thái Dương	D20 TH01	7,61	82	
110	DH52000880	Mai Nhật Hào	D20 TH01	8,22	76	
111	DH52001856	Phan Văn Mạnh	D20 TH01	7,37	80	
112	DH52000828	Nguyễn Văn Quang	D20 TH01	7,70	79	
113	DH52001349	Lê Hoàng Quốc	D20 TH01	7,29	77	
114	DH52000937	Châu Tấn Tài	D20 TH01	7,59	81	
115	DH52001900	Nguyễn Minh Triều	D20 TH01	7,15	78	
116	DH52000131	Lê Quốc Trung	D20 TH01	7,20	76	
117	DH52002286	Mai Đức Huy	D20 TH02	7,10	70	
118	DH52003670	Trần Xuân Khương	D20 TH02	7,33	71	
119	DH52002996	Nguyễn Phước Lộc	D20 TH02	8,01	76	
120	DH52002032	Phạm Ngọc Quế Trâm	D20 TH02	7,11	73	
121	DH52001832	Tiêu Quang Trường	D20 TH02	7,18	75	
122	DH52003201	Ngô Hoài An	D20 TH03	8,96	71	
123	DH52002912	Nguyễn Thị Linh Chi	D20 TH03	7,84	77	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
124	DH52000539	Nguyễn Nhật Khang	D20_TH03	7,50	71	
125	DH52003844	Trần Đình Khôi	D20_TH03	7,23	73	
126	DH52002991	Nguyễn Trọng Nghĩa	D20_TH03	7,28	71	
127	DH52003194	Ngô Hoài Thịnh	D20_TH03	8,82	71	
128	DH52001205	Phạm Hoàng Quốc Huy	D20_TH05	7,05	76	
129	DH52003788	Trần Quốc Khánh	D20_TH05	7,55	88	
130	DH52003760	Phan Thị Thu Thảo	D20_TH05	7,20	83	
131	DH52006823	Nguyễn Huỳnh Quốc Việt	D20_TH05	8,88	79	
132	DH52004258	Võ Nhật Hào	D20_TH06	7,10	76	
133	DH52004128	Nguyễn Bảo Tuyết Như	D20_TH06	7,50	71	
134	DH52004387	Trịnh Minh Thuận	D20_TH06	7,03	71	
135	DH52005922	Trương Thành Lập	D20_TH07	7,26	82	
136	DH52004523	Trần Trung Tiên	D20_TH07	8,71	73	
137	DH52005662	Phạm Ngọc Nhân ái	D20_TH08	7,43	80	
138	DH52005724	Lê Mai Nhựt Duy	D20_TH08	7,66	69	
139	DH52005851	Nguyễn Tấn Huy	D20_TH08	7,32	79	
140	DH52005879	Lưu Ngọc Kỳ	D20_TH08	7,55	86	
141	DH52006020	Võ Hoàng Phi	D20_TH08	7,21	80	
142	DH52006061	Trương Hoàng Quốc	D20_TH08	7,39	75	
143	DH52006102	Phan Thanh Tân	D20_TH08	7,26	79	
144	DH52005059	Lê Trường Thanh	D20_TH08	7,05	75	
145	DH52005051	Đặng Trung Trục	D20_TH08	7,33	75	
146	DH52005738	Hồ Khánh Dương	D20_TH09	8,18	76	
147	DH52005778	Trần Đức Hải	D20_TH09	7,99	74	
148	DH52004983	Nguyễn Minh Hiếu	D20_TH09	7,30	78	
149	DH52005383	Đặng Thị Kim Ngân	D20_TH09	7,20	73	
150	DH52006058	Dương Trung Quốc	D20_TH09	7,41	70	
151	DH52006097	Văn Bảo Tâm	D20_TH09	8,98	75	
152	DH52006111	Phan Đức Tiên	D20_TH09	7,66	78	
153	DH52006213	Đặng Ngọc Bảo Trân	D20_TH09	7,64	74	
154	DH52006237	Nguyễn Trần Vân Uyển	D20_TH09	7,18	73	
155	DH52005828	Nguyễn Văn Hoàng	D20_TH10	7,40	76	
156	DH52007253	Đình Trọng Phúc	D20_TH10	7,29	82	
157	DH52006177	Nguyễn Khắc Thế	D20_TH10	7,44	86	
158	DH52006150	Nguyễn Thanh Tùng	D20_TH10	8,38	77	
159	DH52006245	Nguyễn Đình Việt	D20_TH10	8,24	76	
160	DH52007049	Nguyễn Hòa Ninh Đan	D20_TH11	7,09	82	
161	DH52005758	Nguyễn Vũ Ân Điền	D20_TH11	7,54	83	
162	DH52006878	Trương Khánh Duy	D20_TH11	7,26	74	
163	DH52006862	Lê Huỳnh Hoàn Hào	D20_TH11	8,48	78	
164	DH52007074	Phan Hiếu Lâm	D20_TH11	7,99	77	
165	DH52006605	Phan Phúc Tân	D20_TH11	7,13	71	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
166	DH52007101	Trần Văn Quốc	Thắng	D20_TH11	7,90	83	
167	DH52006825	Vũ Thị Phương	Thanh	D20_TH11	7,01	81	
168	DH52007012	Nguyễn Võ	Tiến	D20_TH11	7,99	90	
169	DH52006712	Nguyễn Việt	Tuấn	D20_TH11	7,54	76	
170	DH61803606	Lê Thị Ngọc	Mai	D18_TP02	7,19	86	
171	DH61804603	Lê Thị Thu	Hiền	D18_TP03	7,33	77	
172	DH61805280	Lê Trần Bảo	Như	D18_TP03	7,04	91	
173	DH61903296	Lưu Chí	Cường	D19_TP01	7,08	74	
174	DH61900747	Lương Thị Thúy	Huỳnh	D19_TP01	7,05	76	
175	DH61904418	Nguyễn Thị Thu	Tâm	D19_TP01	7,32	92	
176	DH61900748	Châu Thị Bảo	Trần	D19_TP01	7,42	85	
177	DH62002267	Phan Thị Phương	Dung	D20_TP01	7,36	80	
178	DH62000011	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	D20_TP01	7,19	87	
179	DH62001078	Đỗ Thị Quỳnh	Như	D20_TP01	7,34	88	
180	DH62007220	Trương Huỳnh Th Phước	An	D20_TP02	7,24	87	
181	DH71801597	Nguyễn Thị	Lượng	D18_KD01	7,35	98	
182	DH71801730	Nguyễn Ngọc	Thắng	D18_KD01	7,66	91	
183	DH71803560	Phạm Mạnh Phương	Quyên	D18_KD02	7,03	82	
184	DH71800570	Trương Tiến	Sang	D18_KD02	7,31	83	
185	DH71803254	Phạm Thị Mỹ	Trang	D18_KD02	7,92	85	
186	DH71804240	Nguyễn Thị	An	D18_KD03	7,17	82	
187	DH71804268	Lê Như	Anh	D18_KD03	7,85	81	
188	DH71804673	Nguyễn Mỹ	Hào	D18_KD03	7,42	80	
189	DH71806382	Mai Đức	Lộc	D18_KD03	7,90	86	
190	DH71805571	Lê Minh	Thân	D18_KD03	7,10	78	
191	DH71805542	Lê Mai Hoàng	Thanh	D18_KD03	7,90	82	
192	DH71805554	Lê Phú	Thành	D18_KD03	7,50	74	
193	DH71804223	Nguyễn Thị Mỹ	Trong	D18_KD03	7,19	81	
194	DH71802017	Chế Thị Tuyết	Nhung	D18_MAR01	7,44	90	
195	DH71801265	Nguyễn Thanh	Tùng	D18_MAR01	7,04	82	
196	DH71803155	Đỗ Chí	Cường	D18_MAR02	7,84	88	
197	DH71803709	Phạm Minh	Đan	D18_MAR02	7,15	81	
198	DH71800072	Huỳnh Lương Mỹ	Phụng	D18_MAR02	7,31	83	
199	DH71803508	Nguyễn Thị Phương	Thảo	D18_MAR02	7,00	91	
200	DH71802018	Hồ Thị Thúy	Thi	D18_MAR02	7,11	80	
201	DH71801808	Nguyễn Kim	Duyên	D18_MAR03	7,43	81	
202	DH71802405	Nguyễn Thị Thảo	Hương	D18_MAR03	7,24	86	
203	DH71802551	Ngô Bình	Huy	D18_MAR03	7,45	78	
204	DH71804893	Nguyễn Thị Hồng	Khuyên	D18_MAR03	7,33	83	
205	DH71801761	Võ Hoàng Khánh	Linh	D18_MAR03	7,65	79	
206	DH71802771	Tô Nhi Vi	Na	D18_MAR03	7,34	86	
207	DH71800882	Hồ Văn	Nguyên	D18_MAR03	7,13	85	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
208	DH71802253	Lý Xuân	Phụng	D18_MAR03	7,06	94	
209	DH71803402	Trần Minh Uyên	Trang	D18_MAR03	7,46	86	
210	DH71804296	Lê Thị	ánh	D18_MAR04	7,29	75	
211	DH71804466	Nguyễn Kim	Đào	D18_MAR04	7,07	85	
212	DH71803844	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	D18_MAR04	7,60	87	
213	DH71804444	Vũ Thị Hồng	Duyên	D18_MAR04	7,40	95	
214	DH71804669	Trần Minh	Hạnh	D18_MAR04	7,22	86	
215	DH71803900	Lê Công	Hậu	D18_MAR04	7,61	79	
216	DH71804091	Nguyễn Yến	Linh	D18_MAR04	7,24	79	
217	DH71804012	Đỗ Thị Kim	Ngân	D18_MAR04	7,91	91	
218	DH71805245	Nguyễn Thảo	Nhi	D18_MAR04	7,06	85	
219	DH71806524	Nguyễn Thị Mỹ	Như	D18_MAR04	7,99	82	
220	DH71805386	Lê Thị Kim	Phượng	D18_MAR04	7,12	89	
221	DH71805603	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	D18_MAR04	7,02	80	
222	DH71805693	Nguyễn Thị	Thúy	D18_MAR04	7,55	78	
223	DH71806492	Trần Thị Thu	Uyên	D18_MAR04	7,49	84	
224	DH71806033	Lê Thành	Vinh	D18_MAR04	7,69	82	
225	DH71806479	Nguyễn Thị Băng	Châu	D18_MAR05	7,18	79	
226	DH71804417	Huỳnh Thanh	Duy	D18_MAR05	7,96	90	
227	DH71804562	Nguyễn Văn	Hạnh	D18_MAR05	7,43	93	
228	DH71805065	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	D18_MAR05	7,13	92	
229	DH71805144	Lê Phạm Kim	Ngân	D18_MAR05	7,01	79	
230	DH71805150	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	D18_MAR05	7,11	89	
231	DH71805328	Từ Bội	Phân	D18_MAR05	7,13	84	
232	DH71805376	Võ Đức Huy	Phúc	D18_MAR05	7,56	96	
233	DH71805462	Lưu Ngọc Tú	Quyên	D18_MAR05	7,11	82	
234	DH71805544	Nguyễn Châu Thanh	Thanh	D18_MAR05	7,04	79	
235	DH71805713	Hà Thị	Thương	D18_MAR05	7,98	92	
236	DH71805696	Vũ Trần Ngọc	Thúy	D18_MAR05	7,39	91	
237	DH71806391	Nguyễn Tấn	Toàn	D18_MAR05	7,98	84	
238	DH71805827	Phan Thế Ngọc	Trâm	D18_MAR05	7,24	83	
239	DH71805868	Trần Thị út	Trình	D18_MAR05	7,51	85	
240	DH71805987	Hồ Nguyễn Phương	Uyên	D18_MAR05	7,14	87	
241	DH71805994	Phạm Hoàng	Uyên	D18_MAR05	7,27	83	
242	DH71806420	Nguyễn Thụy Phương	Vy	D18_MAR05	7,11	80	
243	DH71800250	Trương Văn	An	D18_TC01	7,92	80	
244	DH71800645	Trương Huy	Khánh	D18_TC01	7,29	76	
245	DH71800180	Phạm Thoại	Mỹ	D18_TC01	7,96	92	
246	DH71800129	Nguyễn Huỳnh Quốc	Thắng	D18_TC01	7,92	79	
247	DH71800691	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	D18_TC01	7,34	76	
248	DH71800206	Nguyễn Trần Ngọc	Trâm	D18_TC01	7,44	76	
249	DH71801275	Nguyễn Thị	Trình	D18_TC01	7,46	76	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
250	DH71800212	Huỳnh Kim	Yến	D18_TC01	7,59	91	
251	DH71800996	Trương Thị Lan	Anh	D18_TC02	7,08	96	
252	DH71802579	Cao Quang	Huy	D18_TC02	7,71	90	
253	DH71801962	Nguyễn Trương Thúy	Huyền	D18_TC02	7,98	96	
254	DH71803556	Thân Thị Ngọc	Lan	D18_TC02	7,86	95	
255	DH71800997	Nguyễn Thị Yến	Linh	D18_TC02	7,81	93	
256	DH71801542	Phạm Thị Bích	Ngọc	D18_TC02	7,93	85	
257	DH71800636	Huỳnh Phối	Nhi	D18_TC02	7,58	96	
258	DH71800030	Nguyễn Thị Huyền	Nhiên	D18_TC02	7,08	80	
259	DH71801539	Huỳnh Nguyễn Quỳnh	Như	D18_TC02	7,63	85	
260	DH71801443	Nguyễn Bạch Huy	Quý	D18_TC02	7,06	86	
261	DH71803224	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	D18_TC02	7,99	91	
262	DH71805716	Nguyễn Thị Hoài	Thương	D18_TC02	7,59	82	
263	DH71801392	Nguyễn Trần Linh	Thương	D18_TC02	7,91	93	
264	DH71803020	Đoàn Thị Cẩm	Tiên	D18_TC02	7,53	88	
265	DH71803683	Võ Thị Thu	Trang	D18_TC02	7,86	98	
266	DH71801609	Huỳnh Thị Bích	Tuyền	D18_TC02	7,99	90	
267	DH71803754	Đặng Hoàng	Vinh	D18_TC02	7,66	78	
268	DH71804312	Nguyễn Ngọc	Bích	D18_TC03	7,86	81	
269	DH71804712	Nguyễn Quang	Hậu	D18_TC03	7,07	76	
270	DH71803928	Thân Trọng	Hiếu	D18_TC03	7,07	85	
271	DH71803910	Nguyễn Minh	Huệ	D18_TC03	7,23	78	
272	DH71804836	Nhâm Kiếm	Khang	D18_TC03	7,51	85	
273	DH71804965	Dương Tố	Linh	D18_TC03	7,73	87	
274	DH71805230	Đào Phùng Xuân	Nhi	D18_TC03	7,49	79	
275	DH71805282	Nguyễn Tâm	Như	D18_TC03	7,39	78	
276	DH71805299	Nguyễn Thị Yến	Oanh	D18_TC03	7,48	75	
277	DH71805449	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	D18_TC03	7,25	75	
278	DH71805808	Phan Thị Kim	Trang	D18_TC03	7,56	88	
279	DH71805980	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyết	D18_TC03	7,83	82	
280	DH71700042	Lê Văn Hoàng	Lân	D19_QT01	7,00	70	
281	DH71901456	Trần Nguyễn Trúc	Linh	D19_QT01	7,60	84	
282	DH71900306	Lê Hoàng Kim	Ngân	D19_QT01	7,85	89	
283	DH71901643	Phan Thị Kim	Thảo	D19_QT01	7,69	97	
284	DH71904521	Hậu Tuệ	Thi	D19_QT01	7,28	81	
285	DH71901184	Nguyễn Thị Huệ	Anh	D19_QT02	7,66	84	
286	DH71901713	Lê Nguyễn Ngọc	Dung	D19_QT02	7,16	75	
287	DH71903601	Nguyễn Hồng	Hoa	D19_QT02	7,62	83	
288	DH71903706	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	D19_QT02	7,57	76	
289	DH71900048	Võ Như	Mên	D19_QT02	7,95	86	
290	DH71904337	Đào Thị Thúy	Quyên	D19_QT02	7,46	71	
291	DH71904999	Trần Uyên	Sâm	D19_QT02	7,40	82	

H
I
N
H
G
I
*

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
292	DH71904372	Bùi Xuân	Son	D19 QT02	7,23	81	
293	DH71904697	Quách Thị Hồng	Trang	D19 QT02	7,03	81	
294	DH71903314	Võ Thị	Diễm	D19 QT03	7,35	81	
295	DH71903518	Nguyễn Thị	Hào	D19 QT03	7,08	78	
296	DH71905018	Võ Thị Thùy	Huyền	D19 QT03	7,69	92	
297	DH71903055	Ngô Hương	Ly	D19 QT03	7,31	79	
298	DH71900214	Nguyễn Thị Ngọc	Như	D19 QT03	7,20	88	
299	DH71904308	Trần Chấn	Quang	D19 QT03	7,23	79	
300	DH71904528	Phạm Thị Mai	Thi	D19 QT03	7,52	78	
301	DH71904606	Trần Thanh	Thúy	D19 QT03	7,08	81	
302	DH71903042	Trần Lâm Ngọc	Trần	D19 QT03	7,23	82	
303	DH71904838	Phan Thị Ngọc	Tuyền	D19 QT03	7,91	82	
304	DH71903047	Phùng Thái	Vinh	D19 QT03	7,62	82	
305	DH71903553	Nguyễn Thị Cẩm	Hiền	D19 QT04	7,47	78	
306	DH71903626	Nguyễn Quốc	Hoành	D19 QT04	7,20	76	
307	DH71901563	Huỳnh Thị Minh	Thanh	D19 QT04	7,12	78	
308	DH71901929	Nguyễn Thị Minh	Thư	D19 QT04	7,06	76	
309	DH71900338	Nguyễn Phước Tuấn	Kiệt	D19 QT05	7,63	82	
310	DH71904998	Nguyễn Thanh	Nga	D19 QT05	7,65	90	
311	DH71904969	Cao Thị	Yến	D19 QT05	7,02	82	
312	DH71901572	Trần Thị Kim	Chi	D19 QT06	7,56	90	
313	DH71901392	Lê Thị Thanh	Hiền	D19 QT06	7,01	78	
314	DH71905108	Trương Yến	Linh	D19 QT06	7,20	79	
315	DH71905333	Nguyễn Thị Bích	Thơ	D19 QT06	7,00	80	
316	DH71905318	Lê Vĩnh	Thụy	D19 QT06	7,04	75	
317	DH71900835	Đoàn Thị Thủy	Tiên	D19 QT06	7,21	87	
318	DH71901320	Đoàn Quốc	Trí	D19 QT06	7,42	82	
319	DH71905253	Huỳnh Thị Thúy	An	D19 QT07	7,04	76	
320	DH71901950	Nguyễn Thị Mỹ	Dy	D19 QT07	7,14	74	
321	DH71902197	Trần Thị	Hào	D19 QT07	7,23	84	
322	DH71901827	Lê Thị Thảo	Nguyên	D19 QT07	7,16	74	
323	DH71905101	Trần Thanh	Thảo	D19 QT07	7,17	75	
324	DH71905342	Hồ Hải	Đăng	D19 QT08	7,30	77	
325	DH71900354	Nguyễn Thị Thu	Hiền	D19 QT08	7,06	77	
326	DH71902093	Lý Trí	Quang	D19 QT08	7,55	94	
327	DH71902717	Nguyễn Phạm Thanh	Trúc	D19 QT08	7,65	80	
328	DH71903014	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	D19 QT08	7,15	78	
329	DH71900142	Huỳnh Ngọc Trúc	Anh	D19 QT09	7,37	82	
330	DH71905578	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	D19 QT09	7,38	80	
331	DH71905232	Trần Thị ái	Duyên	D19 QT09	7,33	83	
332	DH71902967	Nguyễn Thị Hồng	Gám	D19 QT09	7,96	91	
333	DH71902594	Dương Bảo	Long	D19 QT09	7,50	81	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
334	DH71902305	Nguyễn Thị Kim Ngân	D19 QT09	7,41	82	
335	DH71902340	Võ Thị Thanh Ngân	D19 QT09	7,31	87	
336	DH71905539	Nguyễn Trần Anh Tuấn	D19 QT09	7,48	88	
337	DH71905609	Lê Khả ái	D19 QT10	7,19	80	
338	DH71905322	Lê Nguyễn Tuyết Ngân	D19 QT10	7,36	82	
339	DH71902932	Ngô Thị Ngọc Nhi	D19 QT10	7,41	84	
340	DH71905586	Nguyễn Hoàng Thanh Thảo	D19 QT10	7,23	81	
341	DH71904633	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	D19 QT10	7,01	83	
342	DH71902628	Nguyễn Xuân Truyền	D19 QT10	7,24	83	
343	DH71902736	Trịnh Hà Vi	D19 QT10	7,25	88	
344	DH72002148	Nguyễn Thị Thùy Duyên	D20 QT01	7,33	79	
345	DH72001980	Hồ Thị Ngọc Hân	D20 QT01	8,25	78	
346	DH72002914	Hoàng Thị Ngọc Trâm	D20 QT01	7,16	75	
347	DH72002128	Bừu Lê Kim Ngân	D20 QT02	7,75	74	
348	DH72003292	Lê Thị Bảo Ngọc	D20 QT02	7,00	77	
349	DH72002260	Lê Thị Yên Quỳnh	D20 QT02	7,32	77	
350	DH72002186	Phạm Đặng Như ý	D20 QT02	7,35	73	
351	DH72000113	Nguyễn Anh Đạt	D20 QT03	7,94	89	
352	DH72000634	Đoàn Thị Tuyết Hân	D20 QT03	7,79	87	
353	DH72001103	Nguyễn Thị Thanh Nhã	D20 QT03	7,18	86	
354	DH72001128	Đỗ Tấn Phát	D20 QT03	7,21	83	
355	DH72003265	Đào Thị Phương Thảo	D20 QT04	7,35	85	
356	DH72003326	Hồ Thị Thủy Trúc	D20 QT04	7,03	86	
357	DH72003575	Phạm Thành Trung	D20 QT04	7,54	85	
358	DH72005041	Đỗ Thị Huế Anh	D20 QT06	7,19	83	
359	DH72007323	Nguyễn Thị Ngọc ánh	D20 QT06	7,67	81	
360	DH72004363	Ngô Thị Ngọc Giao	D20 QT06	7,28	90	
361	DH72004476	Nguyễn Đức Phát	D20 QT06	7,61	83	
362	DH72004129	Trần Thái Thanh	D20 QT06	7,78	80	
363	DH72005562	Nguyễn Trung Thuận	D20 QT06	7,71	85	
364	DH72005646	Nguyễn Lâm Tường Vy	D20 QT06	7,05	84	
365	DH72004706	Nguyễn Hà Hải Đăng	D20 QT07	7,22	91	
366	DH72002711	Hà Kim Dung	D20 QT07	7,04	72	
367	DH72005264	Trần Ngọc Hân	D20 QT07	7,08	71	
368	DH72004580	Nguyễn Thị Ngọc Liên	D20 QT07	7,65	78	
369	DH72004515	Nguyễn Thị Ngọc Linh	D20 QT07	7,29	76	
370	DH72005337	Trương Thị Phương Linh	D20 QT07	7,23	76	
371	DH72007361	Nguyễn Thị Tuyết Loan	D20 QT07	7,36	77	
372	DH72004686	Nguyễn Thanh Nga	D20 QT07	7,23	77	
373	DH72005390	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	D20 QT07	7,30	75	
374	DH72007266	Trần Thị Kim Ngân	D20 QT07	7,19	70	
375	DH72005480	Nguyễn Ngọc Sang	D20 QT07	7,06	73	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
376	DH72004468	Nguyễn Duy Nhã	Uyên	D20_QT07	7,12	81	
377	DH72005188	Phạm Thị Ngọc	Bích	D20_QT08	7,05	73	
378	DH72004734	Nguyễn Trọng	Long	D20_QT08	8,21	78	
379	DH72005421	Lê Ngọc Tuyết	Nhi	D20_QT08	7,25	74	
380	DH72005630	Phạm Nguyễn Ngọc	Vân	D20_QT08	7,72	75	
381	DH72005181	Nguyễn Thanh Minh	Bách	D20_QT09	7,32	80	
382	DH72005224	Phạm Thị Thúy	Dương	D20_QT09	7,60	77	
383	DH72007414	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	D20_QT09	7,91	76	
384	DH72005312	Mai Hữu	Khanh	D20_QT09	7,81	80	
385	DH72007319	Nguyễn Thị	Liên	D20_QT09	7,31	75	
386	DH72005345	Giang Hải	Luân	D20_QT09	7,13	76	
387	DH72005368	Lê Hoàng	Mỹ	D20_QT09	7,52	77	
388	DH72005411	Trần Phương	Nguyên	D20_QT09	7,60	80	
389	DH72005460	Hứa Thị Thanh	Phương	D20_QT09	7,52	80	
390	DH72005463	Nguyễn Phước Thu	Phương	D20_QT09	7,23	74	
391	DH72005465	Trần Nguyễn Như	Phương	D20_QT09	7,24	76	
392	DH72004991	Trần Thị Bích	Phương	D20_QT09	7,35	79	
393	DH72005473	Lê Nguyễn Phương	Quyên	D20_QT09	7,80	85	
394	DH72005476	Phạm Ngọc Như	Quỳnh	D20_QT09	7,14	76	
395	DH72005488	Đoàn Thu	Sương	D20_QT09	7,43	80	
396	DH72005537	Nguyễn Phúc	Thành	D20_QT09	7,03	75	
397	DH72007357	Nguyễn Ngọc	Thảo	D20_QT09	7,14	76	
398	DH72005575	Nguyễn Thị Vân	Thy	D20_QT09	7,71	80	
399	DH72005508	Hàn Thị Cẩm	Tú	D20_QT09	7,25	87	
400	DH72005522	Nguyễn Thanh	Tuyền	D20_QT09	7,07	81	
401	DH72007191	Lê Cao Khánh	Vân	D20_QT09	7,08	78	
402	DH72005625	Ngô Gia	Vân	D20_QT09	7,54	80	
403	DH72005654	Đỗ Thanh	Xuân	D20_QT09	7,43	79	
404	DH72005175	Trần Duy	Anh	D20_QT10	7,26	86	
405	DH72005206	Tăng Kiệt	Dinh	D20_QT10	7,81	86	
406	DH72005240	Trương Minh Quỳnh	Giang	D20_QT10	7,28	86	
407	DH72006767	Mai Thị Phương	Hà	D20_QT10	7,54	83	
408	DH72005288	Nguyễn Việt	Hưng	D20_QT10	7,35	82	
409	DH72005284	Đặng Phước Nhật	Huyền	D20_QT10	7,53	85	
410	DH72005354	Trần Thị Thanh	Mai	D20_QT10	7,61	94	
411	DH72005365	Trịnh Thị	My	D20_QT10	7,35	86	
412	DH72005429	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	D20_QT10	7,86	87	
413	DH72005470	Phan Đặng Hoàng	Quốc	D20_QT10	7,28	85	
414	DH72005528	Phan Bảo	Thái	D20_QT10	7,14	84	
415	DH72005544	Nguyễn Kim Phương	Thảo	D20_QT10	7,71	85	
416	DH72005588	Trần Thị Kiều	Trâm	D20_QT10	7,54	85	
417	DH72005598	Phạm Như	Trí	D20_QT10	7,93	94	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
418	DH72005612	Trần Thị Mỹ	Trinh	D20_QT10	7,82	87	
419	DH72005613	Dương Duy	Trọng	D20_QT10	7,07	83	
420	DH72006633	Nguyễn Minh	Tuấn	D20_QT10	7,25	82	
421	DH72005520	Cao Thanh	Tuyền	D20_QT10	7,37	86	
422	DH72005657	Trần Thị Mỹ	Xuyên	D20_QT10	7,90	87	
423	DH72006818	Nguyễn Thị Vân	Anh	D20_QT11	7,96	71	
424	DH72007010	Phạm Chí	Bảo	D20_QT11	8,13	71	
425	DH72006853	Nguyễn Khắc	Đức	D20_QT11	7,57	70	
426	DH72007008	Nguyễn Lê Phương	Dung	D20_QT11	7,27	80	
427	DH72007025	Từ Văn	Hào	D20_QT11	7,36	71	
428	DH72006934	Nguyễn Hoài	Ly	D20_QT11	7,78	71	
429	DH72007271	Đặng Thị Thu	Mai	D20_QT11	7,29	70	
430	DH72006780	Lê Đan	My	D20_QT11	7,59	72	
431	DH72005369	Lê Thị Kim	Mỹ	D20_QT11	8,06	74	
432	DH72007287	Văn Nguyễn Thị Thu	Nga	D20_QT11	8,50	75	
433	DH72006875	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	D20_QT11	7,18	71	
434	DH72006602	Huỳnh Trung	Nghĩa	D20_QT11	7,79	70	
435	DH72007028	Nguyễn Bích	Ngọc	D20_QT11	7,38	70	
436	DH72006960	Lê Thị ánh	Nhi	D20_QT11	7,91	71	
437	DH72007048	Nguyễn Trần Huỳnh	Như	D20_QT11	7,90	72	
438	DH72007317	Thái Duy	Phú	D20_QT11	7,52	71	
439	DH72006998	Châu Tuấn	Phúc	D20_QT11	7,53	75	
440	DH72005451	Phan Hoàng Gia	Phúc	D20_QT11	7,61	71	
441	DH72006936	Vũ Thị	Quyên	D20_QT11	7,63	71	
442	DH72006617	Mai Huỳnh Thanh	Thảo	D20_QT11	7,92	73	
443	DH72007043	Nguyễn Phạm Phương	Thảo	D20_QT11	8,11	73	
444	DH72007031	Lương Nữ Kiều	Tiên	D20_QT11	7,22	70	
445	DH72006955	Lê Thị Hồng	Trang	D20_QT11	8,03	72	
446	DH72006781	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	D20_QT11	7,11	71	
447	DH72007063	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	D20_QT11	7,87	74	
448	DH72007057	Nguyễn Thị Bích	Vân	D20_QT11	7,16	88	
449	DH72006726	Nguyễn Thành	Bảo	D20_QT12	7,03	78	
450	DH72006597	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	D20_QT12	7,56	80	
451	DH72006963	Cát Ngọc	Diệp	D20_QT12	7,35	79	
452	DH72006587	Trần Duy	Đức	D20_QT12	7,50	76	
453	DH72007132	Đặng Nguyễn Khánh	Hà	D20_QT12	7,63	74	
454	DH72006800	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	D20_QT12	7,79	73	
455	DH72006915	Lương Đặng Quỳnh	Hương	D20_QT12	7,44	84	
456	DH72007304	Nguyễn An	Khang	D20_QT12	8,16	78	
457	DH72007207	Huỳnh Phương	Linh	D20_QT12	7,28	74	
458	DH72007224	Bàn Ngọc	Long	D20_QT12	7,74	76	
459	DH72007154	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	D20_QT12	7,35	76	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
460	DH72006944	Phạm Trung	Nhân	D20_QT12	8,24	77	
461	DH72006978	Nguyễn Quốc	Thắng	D20_QT12	7,02	86	
462	DH72007105	Hồ Tấn	Thuận	D20_QT12	7,92	77	
463	DH72007040	Trần Ngọc	Thúy	D20_QT12	7,52	73	
464	DH72007109	Ngô Minh	Tuấn	D20_QT12	7,38	77	
465	DH72007039	Mai Ngọc Thanh	Vân	D20_QT12	7,27	76	
466	DH72007314	Bùi Thịnh	Vy	D20_QT12	8,32	77	
467	DH72006946	Hoàng Thị Tường	Vy	D20_QT12	7,07	78	
468	DH72007086	Đào Kim	Yên	D20_QT12	7,32	78	
469	DH81801242	Trần Xuân	Hậu	D18_XD01	7,46	97	
470	DH81801078	Dương Huỳnh Anh	Kiệt	D18_XD01	7,56	98	
471	DH81802728	Lê Tường	Lâm	D18_XD01	7,36	79	
472	DH81800127	Nguyễn Hoài	Nam	D18_XD01	7,08	78	
473	DH81805552	Vũ Duy	Thanh	D18_XD01	7,13	79	
474	DH81804504	Nguyễn Hữu	Đỉnh	D18_XD02	7,35	78	
475	DH81801427	Phan Thị Quỳnh	Ngân	D18_XD02	7,42	86	
476	DH81802901	Lê Thành	Phát	D18_XD02	7,02	74	
477	DH81801728	Trần Văn	Thạnh	D18_XD02	7,35	72	
478	DH81902976	Lưu Đức	Chung	D19_XD01	7,44	98	
479	DH81900672	Trần Hải	Đặng	D19_XD01	7,29	95	
480	DH81900441	Nguyễn Trương	Đạo	D19_XD01	7,33	84	
481	DH81903359	Phan Khánh	Duy	D19_XD01	7,12	83	
482	DH81904740	Nguyễn Đăng	Triều	D19_XD01	7,80	94	
483	DH81905024	Nguyễn Thị Kim	Yến	D19_XD01	7,22	91	
484	DH81901703	Huỳnh Trần Thiện	Quang	D19_XD02	7,75	86	
485	DH81905501	Nguyễn Mạnh	Quỳnh	D19_XD02	7,93	86	
486	DH81901559	Lê Duy	Trường	D19_XD02	7,19	87	
487	DH82006542	Võ Thanh	Lộc	D20_XD02	8,46	73	
488	DH91801091	Lưu Thị	Lý	D18_TK2TT	7,55	86	
489	DH91800490	Đỗ Thị Mỹ	Phương	D18_TK2TT	7,42	92	
490	DH91800134	Lê Thị	Thìn	D18_TK2TT	7,42	92	
491	DH91800919	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	D18_TK2TT	7,50	81	
492	DH91804394	Phạm Ngọc	Diệu	D18_TK3DH	7,41	84	
493	DH91804667	Nguyễn Ngọc	Hạnh	D18_TK3DH	7,99	82	
494	DH91804734	Trần Đức Anh	Hùng	D18_TK3DH	7,29	74	
495	DH91800713	Trần Mộng	Kha	D18_TK3DH	7,39	76	
496	DH91806277	Trần Quốc	Khải	D18_TK3DH	7,83	71	
497	DH91801753	Phan Nhật	Nam	D18_TK3DH	7,59	79	
498	DH91800194	Huỳnh Bảo	Nghi	D18_TK3DH	7,85	74	
499	DH91800351	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	D18_TK3DH	7,70	82	
500	DH91805557	Nguyễn Kim Ngọc	Thành	D18_TK3DH	8,36	77	
501	DH91805678	Nguyễn Thanh	Thuận	D18_TK3DH	7,40	71	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
502	DH91800239	Nguyễn Phát	Triển	D18 TK3DH	7,56	77	
503	DH91802059	Quách Phú	Vinh	D18 TK3DH	7,13	82	
504	DH91800903	Nguyễn Trường	An	D18 TK4NT	7,11	92	
505	DH91804529	Nguyễn Thành	Đạt	D18 TK4NT	7,46	87	
506	DH91803390	Nguyễn Thảo	Duyên	D18 TK4NT	7,29	86	
507	DH91804575	Lưu Thanh	Hân	D18 TK4NT	7,69	89	
508	DH91801667	Nguyễn Tông Xuân	Mãi	D18 TK4NT	7,09	88	
509	DH91802719	Nguyễn Huỳnh	Nga	D18 TK4NT	7,46	88	
510	DH91700341	Phạm Minh	Ngọc	D18 TK4NT	7,58	89	
511	DH91805645	Phạm Hồ Phương	Thảo	D18 TK4NT	7,02	79	
512	DH91903473	Lê Ti	Gôn	D19 TK2TT	7,59	85	
513	DH91905448	Huỳnh Thuận	Nhơn	D19 TK2TT	7,57	81	
514	DH91905315	Nguyễn Tấn	Đạt	D19 TK3DH	7,22	76	
515	DH91902339	Võ Duy	Dương	D19 TK3DH	7,71	80	
516	DH91904106	Nguyễn Khôi	Nguyên	D19 TK3DH	7,99	83	
517	DH91904286	Nguyễn Mai	Phương	D19 TK3DH	7,07	83	
518	DH91901448	Lê Như	Quỳnh	D19 TK3DH	7,56	85	
519	DH91801207	Phan Kim	Thoại	D19 TK3DH	7,67	88	
520	DH91900800	Nguyễn Phương	Tuyền	D19 TK3DH	7,44	80	
521	DH91902708	Đỗ Thị Thanh	Vân	D19 TK3DH	7,09	84	
522	DH91900033	Hồ Nguyễn Huy	Vũ	D19 TK3DH	7,14	83	
523	DH91902699	Hồ Nguyễn Mỹ	An	D19 TK4NT	7,26	82	
524	DH91905583	Hoàng Ngọc Bảo	Khánh	D19 TK4NT	7,70	86	
525	DH92006961	Vũ Thị Yên	Bình	D20 TK1TD	7,46	74	
526	DH92003758	Nguyễn Thanh	An	D20 TK3DH	7,34	72	
527	DH92004234	Tý Thiệu Thuận	An	D20 TK3DH	7,91	86	
528	DH92002704	Nguyễn Hoàng	Bích	D20 TK3DH	8,17	78	
529	DH92004229	Lâm Kim	Hậu	D20 TK3DH	7,49	75	
530	DH92003546	Lương Quốc	Huy	D20 TK3DH	8,46	75	
531	DH92001810	Nguyễn Đức	Huy	D20 TK3DH	7,40	81	
532	DH92002174	Trần Quốc	Kha	D20 TK3DH	7,72	77	
533	DH92005101	Ngô Thị Mỹ	Linh	D20 TK3DH	7,32	74	
534	DH92007072	Lê Thị Diễm	My	D20 TK3DH	7,30	75	
535	DH92003926	Đỗ Trọng	Nam	D20 TK3DH	7,14	70	
536	DH92005113	Tô Hoài	Nhi	D20 TK3DH	7,36	73	
537	DH92004846	Trần Hoài	Nhi	D20 TK3DH	7,27	71	
538	DH92003532	Đoàn Trung	Nhiên	D20 TK3DH	7,53	79	
539	DH92005122	Trần Văn	Quân	D20 TK3DH	8,13	78	
540	DH92005127	Trương Lâm Giang	Sơn	D20 TK3DH	7,34	77	
541	DH92004025	Ngô Chí	Tài	D20 TK3DH	7,18	74	
542	DH92001836	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	D20 TK3DH	7,86	72	
543	DH92004800	Bùi Doãn Phương	Thảo	D20 TK3DH	7,37	73	

GAO TẠO

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
544	DH92003307	Nguyễn Thị Anh	Thư	D20 TK3DH	8,35	75	
545	DH92005148	Lê Thị Ngọc	Trâm	D20 TK3DH	7,69	74	
546	DH92004078	Nguyễn Tuấn	Trung	D20 TK3DH	7,18	73	
547	DH92001853	Hồ Văn	Tuấn	D20 TK3DH	7,72	79	
548	DH92001837	Phan Trần Khánh	Vy	D20 TK3DH	7,44	73	
549	DH92003219	Trần Thị Thảo	Vy	D20 TK3DH	7,64	76	
550	DH92004421	Trâm Thị Lan	Anh	D20 TK4NT	7,98	75	
551	DH92004360	Nguyễn Lê Hoàng	ánh	D20 TK4NT	7,37	74	
552	DH92002213	Đặng Quốc	Danh	D20 TK4NT	7,11	72	
553	DH92001058	Phạm Thị Kim	Hằng	D20 TK4NT	7,45	81	
554	DH92007112	Nguyễn Võ Anh	Khoa	D20 TK4NT	7,01	76	
555	DH92004815	Trần Thị Phương	Linh	D20 TK4NT	7,45	91	
556	DH92004304	Ninh Lê Minh	Quang	D20 TK4NT	7,23	81	
557	DH92000985	Nguyễn Tiến	Tuấn	D20 TK4NT	7,31	78	
558	DH92004823	Đào Thế	Vỹ	D20 TK4NT	7,18	79	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022



PGS. TS. Cao Hào Thi